BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 48/2011/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2011*

THÔNG TƯ
Quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương và Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Bộ trưởng Bộ Công thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định về quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (sau đây gọi tắt là sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương, áp dụng đối với:

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, sử dụng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 do Bộ Công thương quản lý.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc Bộ Công thương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

3. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Công thương chỉ định hoặc thừa nhận.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 là sản phẩm, hàng hóa trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, vẫn tiềm ẩn khả năng gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường.

2. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa là việc cơ quan nhà nước xem xét, đánh giá lại chất lượng sản phẩm, hàng hóa, quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ đã được đánh giá chất lượng bởi các tổ chức đánh giá sự phù hợp hoặc đã được áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng khác của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.

3. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Bộ Công thương là đơn vị được phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương.

4. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu là các tổ chức được Bộ Công thương chỉ định theo quy định của pháp luật; danh sách được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Công thương để tổ chức, cá nhân nhập khẩu lựa chọn.

5. Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định là tổ chức đáp ứng các điều kiện tại Mục 2 Thông tư này, được Bộ Công thương xem xét, quyết định công bố danh sách để tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lựa chọn sử dụng dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

Chương II
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHÓM 2

Mục 1
ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHÓM 2

Điều 3. Điều kiện bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 trong sản xuất

1. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và ghi nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa trước khi đưa sản phẩm ra lưu thông trên thị trường.

2. Phải chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Việc công bố hợp quy được thực hiện theo quy định tại Mục 2 Thông tư này. Đối với sản phẩm hàng hóa nhóm 2 có yêu cầu đặc thù về quá trình sản xuất thì người sản xuất có trách nhiệm áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất và được chứng nhận hợp quy bởi tổ chức chứng nhận được chỉ định.

3. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 có đặc tính mới tiềm ẩn khả năng gây mất an toàn trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích mà đặc tính mới này chưa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng hoặc sản phẩm lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam tiềm ẩn khả năng gây mất an toàn thì người sản xuất có trách nhiệm chứng minh sản phẩm đó an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường theo quy định của Bộ Công thương.

4. Chịu sự kiểm tra của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất theo quy định tại Điều 20 Thông tư này.

Điều 4. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu

1. Phải được công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng bởi tổ chức chứng nhận do Bộ Công thương chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định tại Điều 26 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Việc công bố hợp quy được thực hiện theo quy định tại Mục 2 Thông tư này.

2. Trường hợp hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này khi nhập khẩu phải được tổ chức giám định do Bộ Công thương chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định tại Điều 26 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa giám định tại cửa khẩu xuất hoặc cửa khẩu nhập.

3. Hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu phải được kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu theo quy định tại Điều 21 Thông tư này.

4. Đối với hàng hóa nhóm 2 có quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất cho sản phẩm, hàng hóa đó thì người nhập khẩu phải cung cấp thêm giấy chứng nhận liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất do tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận cấp.

5. Trường hợp hàng hóa nhóm 2 có đặc tính mới có tiềm ẩn khả năng gây mất an toàn trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích mà đặc tính mới này chưa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc hàng hóa lần đầu tiên nhập khẩu vào Việt Nam tiềm ẩn khả năng gây mất an toàn thì người nhập khẩu có trách nhiệm chứng minh hàng hóa đó an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường theo quy định của Bộ Công thương.

6. Hàng hóa do doanh nghiệp trong các khu chế xuất sản xuất cho thị trường trong nước được quản lý chất lượng như đối với hàng hóa nhập khẩu.

Điều 5. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa nhóm 2 xuất khẩu

Sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 xuất khẩu áp dụng theo quy định tại Điều 32 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Điều 9 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 6. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa nhóm 2 lưu thông trên thị trường

1. Phải đáp ứng được các quy định về đảm bảo điều kiện chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, nhập khẩu.

2. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trong quá trình lưu thông hàng hóa hoặc tự áp dụng các biện pháp kiểm soát chất lượng nhằm duy trì chất lượng của hàng hóa do mình bán.

3. Chịu sự kiểm tra của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

4. Sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trong vận chuyển khi lưu thông phải đảm bảo các quy định về an toàn trong vận chuyển, phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.

Điều 7. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa nhóm 2 trong quá trình sử dụng

1. Khi sử dụng, vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, bảo trì, bảo dưỡng phải tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn tương ứng.

2. Đối với hàng hóa nhóm 2 thuộc Danh mục hàng hóa phải kiểm định trong quá trình sử dụng, sau khi được cấp giấy chứng nhận kiểm định bởi tổ chức kiểm định được chỉ định mới được phép đưa vào sử dụng.

3. Chịu sự kiểm tra của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng theo quy định tại Điều 24 Thông tư này.

Mục 2
CÔNG BỐ HỢP QUY, CHỨNG NHẬN HỢP QUY VÀ CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

Điều 8. Công bố sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phù hợp quy chuẩn kỹ thuật

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải thực hiện việc công bố sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Trường hợp các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì việc công bố sản phẩm, hàng hóa được thực hiện theo các tiêu chuẩn (TCVN, TCCS hoặc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài) hoặc quy định kỹ thuật khác đang được áp dụng để công bố sự phù hợp cho đến khi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho sản phẩm, hàng hóa đó được ban hành và có hiệu lực thi hành.

Điều 9. Hồ sơ công bố sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phù hợp quy chuẩn kỹ thuật

Hồ sơ công bố sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phù hợp quy chuẩn kỹ thuật bao gồm:

1. Bản công bố hợp quy theo mẫu quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

2. Bản sao chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận hợp quy cấp.

3. Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hóa.

4. Các tiêu chuẩn liên quan trực tiếp đến sản phẩm, hàng hóa (tiêu chuẩn TCVN, TCCS hoặc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài) hoặc quy định kỹ thuật khác.

5. Bản hướng dẫn sử dụng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 10. Thủ tục tiếp nhận và công bố hợp quy

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải thực hiện việc đánh giá sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng tại các tổ chức chứng nhận hợp quy được Bộ Công thương chỉ định.

Trường hợp tổ chức, cá nhân tự đánh giá hợp quy thì tổ chức, cá nhân công bố hợp quy phải thực hiện việc thử nghiệm tại phòng thử nghiệm được Bộ Công thương chỉ định.

Kết quả đánh giá hợp quy là căn cứ để tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.

2. Khi công bố hợp quy, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu phải đăng ký bản công bố hợp quy tại Sở Công thương tại địa phương nơi tổ chức, cá nhân đó đăng ký hoạt động, sản xuất, kinh doanh.

3. Trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ công bố sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân, Sở Công thương gửi văn bản xác nhận công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân đó. Mẫu thông báo xác nhận công bố hợp quy quy định tại Phụ lục II Thông tư này.

Điều 11. Điều kiện đối với tổ chức thử nghiệm được chỉ định

Tổ chức thử nghiệm được chỉ định phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Được cấp chứng chỉ đảm bảo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005.

2. Đã đăng ký lĩnh vực hoạt động thử nghiệm tại Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

3. Trong mỗi lĩnh vực chuyên ngành, có ít nhất 02 thử nghiệm viên có trình độ chuyên môn phù hợp hoạt động thử nghiệm sản phẩm, hàng hóa tương ứng và có kinh nghiệm công tác từ 03 năm trở lên.

4. Có đủ các tài liệu kỹ thuật, các tiêu chuẩn cần thiết và quy trình thử nghiệm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

5. Tổ chức thử nghiệm có chứng chỉ công nhận do tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận hợp pháp nước ngoài là thành viên của Hiệp hội Công nhận Thái Bình Dương (PAC) và Diễn đàn Công nhận quốc tế (IAF) cấp, được ưu tiên xem xét, chỉ định.

Điều 12. Điều kiện đối với tổ chức giám định được chỉ định

Tổ chức giám định được chỉ định phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Đã đăng ký lĩnh vực hoạt động giám định theo quy định tại Luật Thương mại và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại, Thông tư số 06/2006/TT-BTM ngày 11 tháng 4 năm 2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn đăng ký dấu của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.

2. Có năng lực giám định đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020:2001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020:1998.

3. Trong mỗi lĩnh vực chuyên ngành, có ít nhất 02 giám định viên có trình độ chuyên môn phù hợp hoạt động giám định sản phẩm, hàng hóa tương ứng và có kinh nghiệm công tác từ 03 năm trở lên.

4. Có đủ các tài liệu kỹ thuật, các tiêu chuẩn cần thiết và quy trình thử nghiệm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

5. Tổ chức giám định có chứng chỉ công nhận do tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận hợp pháp nước ngoài là thành viên của Hiệp hội Công nhận Thái Bình Dương (PAC) và Diễn đàn Công nhận quốc tế (IAF) cấp, được ưu tiên xem xét, chỉ định.

Điều 13. Điều kiện đối với tổ chức kiểm định được chỉ định

Tổ chức kiểm định được chỉ định phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Đã đăng ký lĩnh vực hoạt động kiểm định tại Bộ Công thương. Đối với tổ chức kiểm định các thiết bị áp lực, thiết bị nâng nằm trong danh mục máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương phải tuân thủ các quy định tại Thông tư số 35/2009/TT-BCT ngày 09 tháng 12 năm 2009 quy định điều kiện hoạt động với tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn.

2. Có phòng thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005.

3. Trong mỗi lĩnh vực chuyên ngành, có ít nhất 02 kiểm định viên có trình độ chuyên môn phù hợp hoạt động kiểm định sản phẩm, hàng hóa tương ứng và có kinh nghiệm công tác từ 03 năm trở lên.

4. Có đủ các tài liệu kỹ thuật, các tiêu chuẩn cần thiết và quy trình thử nghiệm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

5. Tổ chức kiểm định có chứng chỉ công nhận do tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận hợp pháp nước ngoài là thành viên của Hiệp hội Công nhận Thái Bình Dương (PAC) và Diễn đàn Công nhận quốc tế (IAF) cấp, được ưu tiên xem xét, chỉ định.

Điều 14. Điều kiện đối với tổ chức chứng nhận được chỉ định

Tổ chức chứng nhận được chỉ định phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Đã đăng ký lĩnh vực hoạt động chứng nhận tại Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Hệ thống quản lý và năng lực hoạt động của tổ chức chứng nhận phải đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và hướng dẫn quốc tế cho mỗi loại hình tương ứng sau đây:

a) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7457:2004 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC Guide 65:1996 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, hàng hoá;

b) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021:2008 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021:2006 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý;

c) Có năng lực đánh giá đáp ứng quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 19011:2003 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 19011:2002.

3. Có ít nhất 05 chuyên gia đánh giá thuộc biên chế chính thức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn) của tổ chức, có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên và chuyên môn phù hợp với hoạt động về chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường tương ứng và có kinh nghiệm công tác từ 03 năm trở lên.

4. Có đủ các tài liệu kỹ thuật, các tiêu chuẩn và quy trình thử nghiệm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Điều 15. Trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp có nhu cầu tham gia hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 trong lĩnh vực cụ thể phải lập 01 bộ hồ sơ đăng ký và gửi về Vụ Khoa học và Công nghệ - Bộ Công thương.

2. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, tổ chức chứng nhận phải nộp bản sao có chứng thực các tài liệu quy định tại các điểm b và điểm h khoản 3 Điều này.

3. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Giấy đăng ký chỉ định đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Mẫu 1 Phụ lục III của Thông tư này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận;

c) Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14, theo quy định tại Mẫu 2 Phụ lục III của Thông tư này;

d) Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 đăng ký chỉ định theo quy định tại Mẫu 3 Phụ lục III của Thông tư này;

e) Mẫu Phiếu kết quả thử nghiệm, Chứng thư giám định, Giấy chứng nhận kiểm định, Giấy chứng nhận;

g) Chứng chỉ công nhận năng lực thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận do tổ chức công nhận cấp (nếu có);

h) Kết quả hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận đã thực hiện trong lĩnh vực đăng ký của một năm gần nhất (nếu có).

4. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký như sau:

a) Trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công thương tiến hành xem xét hồ sơ, thành lập Hội đồng đánh giá năng lực thực tế của tổ chức đăng ký và ra Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Mẫu 4 Phụ lục III của Thông tư này. Thời hạn hiệu lực của Quyết định chỉ định không quá 03 năm.

b) Trường hợp từ chối việc chỉ định, Bộ Công thương sẽ ra thông báo bằng văn bản lý do từ chối cho tổ chức đăng ký đánh giá sự phù hợp.

c) Ba (03) tháng trước khi Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hết hiệu lực, nếu có nhu cầu, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký lại theo quy định tại khoản 1 Điều này.

d) Tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Công thương chỉ định thực hiện hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định khi có nhu cầu thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định phải thực hiện thủ tục đăng ký mới theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III
KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHÓM 2

Điều 16. Quy định về kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 do cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Bộ Công thương tiến hành.

2. Việc miễn, giảm kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa đã được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, chứng nhận đã áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực phải có sự đồng ý của Bộ Công thương.

3. Hồ sơ xin miễn, giảm kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa đã được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, chứng nhận đã áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực gửi về Vụ Khoa học và Công nghệ - Bộ Công thương bao gồm:

a) Đơn đề nghị miễn, giảm;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có công chứng hoặc chứng thực);

c) Hợp đồng nhập khẩu hàng hóa (có công chứng);

d) Giấy chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực của các tổ chức nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt (có công chứng);

e) Một số văn bản liên quan khác (nếu có).

Điều 17. Căn cứ kiểm tra

1. Các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, quy định về ghi nhãn hàng hóa và các quy định của pháp luật liên quan đến các yêu cầu về đảm bảo chất lượng, an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người, môi trường tương ứng với từng loại sản phẩm, hàng hóa.

2. Khi các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 chưa có quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, căn cứ kiểm tra là các tiêu chuẩn (TCVN, TCCS hoặc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài) hoặc quy định kỹ thuật khác đang được áp dụng để công bố sự phù hợp cho đến khi quy chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm, hàng hóa đó được ban hành.

Điều 18. Phương thức kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 trong sản xuất, xuất khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng

1. Kiểm tra theo kế hoạch hàng năm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt

a) Căn cứ để xây dựng kế hoạch hàng năm:

- Sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu không bảo đảm chất lượng so với các điều kiện quy định tại Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Thông tư này;

- Thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng trong sản xuất, xuất khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng;

- Thông tin cảnh báo trong nước, ngoài nước, khu vực, quốc tế về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

b) Nội dung kế hoạch kiểm tra phải có các nội dung sau:

- Đối tượng sản phẩm, hàng hóa kiểm tra;

- Địa bàn kiểm tra;

- Thời gian kiểm tra;

- Kinh phí tổ chức thực hiện kiểm tra;

- Tổ chức thực hiện.

2. Kiểm tra đột xuất về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Căn cứ để kiểm tra đột xuất yêu cầu của cơ quan chức năng có liên quan và yêu cầu của cấp trên về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, kinh doanh như sau:

a) Theo yêu cầu của cơ quan thanh tra và cơ quan quản lý chất lượng;

b) Khiếu nại, tố cáo về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

c) Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng;

d) Thông tin cảnh báo trong nước, ngoài nước, khu vực, quốc tế về chất lượng hàng hóa.

3. Ngay sau khi có kết quả kiểm tra, cơ quan kiểm tra sản phẩm, hàng hóa phải công bố kết quả kiểm tra trên trang thông tin điện tử của cơ quan và cho đơn vị có sản phẩm, hàng hóa được kiểm tra.

Điều 19. Mẫu để thử nghiệm sử dụng trong kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2

1. Mẫu hàng hóa được lấy ngẫu nhiên tại các đơn vị sản xuất hoặc ngẫu nhiên trên thị trường để thử nghiệm tại tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Công thương chỉ định.

2. Trình tự, thủ tục lấy mẫu thử nghiệm được quy định như sau:

a) Căn cứ tiêu chuẩn về phương pháp thử hoặc quy chuẩn đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa, cơ quan kiểm tra lấy mẫu sản phẩm, hàng hóa;

b) Mẫu sản phẩm, hàng hóa sau khi lấy phải được niêm phong, có chữ ký của người lấy mẫu, đại diện cơ sở được lấy mẫu;

c) Lập biên bản lấy mẫu sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại Mẫu 14 Phụ lục V Thông tư này.

Trường hợp đại diện cơ sở được lấy mẫu không ký biên bản thì biên bản có chữ ký của người lấy mẫu và trưởng đoàn kiểm tra vẫn có giá trị pháp lý;

d) Mẫu sản phẩm, hàng hóa phải được gửi đến tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định để kiểm định, thử nghiệm.

Kết quả kiểm định, thử nghiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định là căn cứ để cơ quan kiểm tra xử lý tiếp trong quá trình kiểm tra.

Điều 20. Trình tự, thủ tục và nội dung kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 trong sản xuất

Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa nhóm 2 trong sản xuất do cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thực hiện dưới hình thức Đoàn kiểm tra theo trình tự, thủ tục và nội dung sau đây:

1. Đoàn kiểm tra công bố quyết định kiểm tra. Quyết định kiểm tra được quy định tại Mẫu 5 Phụ lục IV.

2. Tiến hành kiểm tra theo nội dung sau:

a) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất và các biện pháp quản lý chất lượng trong quá trình sản xuất;

b) Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng hóa, dấu hợp quy và các tài liệu kèm theo sản phẩm cần kiểm tra;

c) Kiểm tra kết quả kiểm định, thử nghiệm;

d) Kiểm tra nội dung và việc thể hiện thông tin cảnh báo về khả năng gây mất an toàn của sản phẩm, hàng hóa;

e) Kiểm định, thử nghiệm mẫu theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khi cần thiết.

3. Lập biên bản kiểm tra theo quy định tại Mẫu 6 Phụ lục IV. Biên bản kiểm tra lập xong phải có chữ ký của đại diện cơ sở được kiểm tra, đoàn kiểm tra. Trường hợp đại diện cơ sở kiểm tra không ký biên bản thì biên bản có chữ ký của trưởng đoàn kiểm tra và các thành viên kiểm tra vẫn có giá trị pháp lý.

4. Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra và kiến nghị tới cơ quan kiểm tra. Báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định tại Mẫu 7 Phụ lục IV Thông tư này.

Điều 21. Trình tự, thủ tục và nội dung kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu

Việc kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu do cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 tiến hành theo trình tự, thủ tục và nội dung sau đây:

1. Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng của người nhập khẩu theo Mẫu 10 Phụ lục V Thông tư này gồm:

a) Bản "Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu" theo quy định tại Mẫu 9 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản photo copy các giấy tờ sau: Hợp đồng nhập khẩu hàng hóa (*Contract*), danh mục hàng hóa kèm theo (*Packing list*);

c) Một hoặc các bản sao chứng chỉ chất lượng hàng hóa (có chứng thực);

d) Các tài liệu kỹ thuật khác liên quan: Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn (*Bill of Lading);* hóa đơn (*Invoice*)*;* tờ khai hàng hóa nhập khẩu; giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có) *(C/O - Certificate of Origin);* ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa; mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

2. Sau ba (03) ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng của người nhập khẩu, cơ quan kiểm tra tiến hành xem xét tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ đăng ký kiểm tra.

3. Cơ quan kiểm tra ra thông báo cho người nhập khẩu biết sản phẩm, hàng hóa đủ thủ tục quy định đối với hàng hóa nhập khẩu để tổ chức, cá nhân làm thủ tục thông quan tạm thời. Người nhập khẩu không được phép đưa hàng hóa đó ra lưu thông trên thị trường nếu chưa hoàn thành việc kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này. Thông báo hàng hóa đủ thủ tục theo Mẫu 11 Phụ lục V Thông tư này.

4. Tiến hành kiểm tra theo các nội dung:

a) Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra sự phù hợp của nội dung chứng chỉ chất lượng của lô hàng nhập khẩu so với yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng hoá, dấu hợp quy và các tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa cần kiểm tra;

b) Thử nghiệm mẫu theo tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

5. Lập biên bản kiểm tra theo mẫu 6 Phụ lục IV Thông tư này.

6. Trường hợp kết quả kiểm tra đạt yêu cầu nêu trong căn cứ kiểm tra, cơ quan kiểm tra phải cấp Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu 12 Phụ lục V Thông tư này, với nội dung xác nhận lô hàng phù hợp quy định về nhập khẩu cho người nhập khẩu để làm căn cứ cho việc hoàn tất thủ tục thông quan.

Trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu nêu trong căn cứ kiểm tra, cơ quan kiểm tra cấp Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu, với nội dung lô hàng không phù hợp quy định về nhập khẩu cho người nhập khẩu, đồng thời gửi báo cáo về Bộ Công thương theo Mẫu 13 Phụ lục V Thông tư này.

Điều 22. Trình tự, thủ tục và nội dung kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 xuất khẩu

Việc kiểm tra chất lượng hàng hóa xuất khẩu áp dụng theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 23. Trình tự, thủ tục và nội dung kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 lưu thông trên thị trường

Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 lưu thông trên thị trường thực hiện theo hình thức Đoàn kiểm tra. Trình tự, thủ tục và nội dung kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường phù hợp với quy trình nghiệp vụ kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của lực lượng Quản lý thị trường được quy định tại Thông tư số 26/2009/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2009 của Bộ Công thương quy định quy trình nghiệp vụ kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của lực lượng quản lý thị trường.

Điều 24. Trình tự, thủ tục và nội dung kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 trong quá trình sử dụng

Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 trong quá trình sử dụng theo trình tự thủ tục và nội dung sau đây:

1. Cơ quan kiểm tra công bố quyết định kiểm tra theo mẫu 5 Phụ lục IV Thông tư này.

2. Tiến hành kiểm tra theo nội dung sau:

a) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng liên quan đến điều kiện của quá trình sử dụng và các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng trong quá trình sử dụng;

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan kiểm tra có thể sử dụng chuyên gia, tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định thực hiện việc đánh giá theo các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

b) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về kiểm định, kết quả kiểm định và các tài liệu hướng dẫn sử dụng đi kèm hàng hóa cần được kiểm tra đó;

c) Trường hợp xét thấy hai nội dung nêu trên không được thực hiện đầy đủ, có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng, cơ quan kiểm tra xem xét việc thử nghiệm đối với sản phẩm, hàng hóa đó bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định;

3. Lập biên bản kiểm tra theo mẫu quy định tại mẫu 6 Phụ lục IV Thông tư này. Biên bản kiểm tra lập xong phải có chữ ký của đại diện cơ sở được kiểm tra, đại diện cơ quan kiểm tra. Trường hợp đại diện cơ sở kiểm tra không ký biên bản thì biên bản có chữ ký của đại diện cơ quan kiểm tra vẫn có giá trị pháp lý.

4. Cơ quan kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuộc Bộ Công thương

1. Vụ Khoa học và Công nghệ - Bộ Công thương thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tham mưu giúp Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2;

b) Tham mưu để Bộ Công thương chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện việc thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2. Kiểm tra, giám sát các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định;

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2;

d) Lập kế hoạch kiểm tra hàng năm chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 trong sản xuất, xuất khẩu;

e) Tổng hợp tình hình kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 và báo cáo Lãnh đạo Bộ Công thương;

g) Chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Cục Quản lý thị trường có trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 lưu thông trên thị trường theo quy định của pháp luật.

3. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra chất lượng, sản phẩm hàng hóa nhóm 2 trong quá trình sử dụng.

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Công thương

Các Sở Công thương có trách nhiệm tiếp nhận bản đăng ký công bố hợp quy và phối hợp với các Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 đối với các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy định của pháp luật liên quan.

Đối với tổ chức thử nghiệm được chỉ định, trong thời hạn hiệu lực của Quyết định chỉ định, phải tham gia chương trình thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng một lần.

2. Hàng năm, đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả hoạt động đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định theo Mẫu 16 Phụ lục VI của Thông tư này cho cơ quan đầu mối đã chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp để tổng hợp.

3. Thông báo cho cơ quan ra quyết định chỉ định về mọi thay đổi có ảnh hưởng tới năng lực hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận đã đăng ký trong thời hạn mười năm ngày (15) ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.

Điều 28. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2

1. Phải công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

2. Trong quá trình sản xuất, lưu thông các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2, không đảm bảo các điều kiện sản xuất phù hợp với nội dung đã công bố hoặc sản phẩm được phát hiện không còn phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật; tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu phải kịp thời báo cáo với Bộ Công thương, đồng thời tiến hành các biện pháp sau:

a) Tạm ngừng việc xuất xưởng, xuất kho và tiến hành thu hồi các sản phẩm không phù hợp đang lưu thông trên thị trường;

b) Tiến hành các biện pháp khắc phục sự không phù hợp.

3. Sau khi đã khắc phục sự không phù hợp, tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải báo cáo Bộ Công thương trước khi tiếp tục đưa sản phẩm, hàng hóa ra lưu thông.

4. Sau khi công bố hợp quy, tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa có trách nhiệm duy trì liên tục tính phù hợp của sản phẩm với quy định tương ứng, duy trì việc kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ tại doanh nghiệp, đồng thời hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý và người tiêu dùng về tính phù hợp này.

5. Đảm bảo kiểm soát được sản phẩm sản xuất ra bằng hệ thống ký hiệu, mã hiệu ghi trên nhãn sản phẩm hàng hóa.

6. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ công bố sự phù hợp làm cơ sở cho việc kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước.

7. Tổ chức, cá nhân phải thực hiện lại việc công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 khi có bất cứ sự thay đổi nào về nội dung so với bản công bố hợp quy đã công bố trước đó.

Điều 29. Báo cáo tình hình, kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2

Cơ quan kiểm tra sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình và kết quả kiểm tra định kỳ hàng quý, 6 tháng (trước ngày 15 tháng 7), hàng năm (trước ngày 20 tháng 01 năm sau) hoặc đột xuất theo yêu cầu. Nội dung báo cáo theo mẫu 7 Phụ lục IV và mẫu 15 Phụ lục VI về báo cáo tổng hợp tình hình kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Bộ Công thương.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2012.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trường hợp các tiêu chuẩn, văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Vụ Khoa học và Công nghệ - Bộ Công thương đề xuất báo cáo Bộ hướng dẫn sửa đổi, bổ sung./.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Huy Hoàng

Phụ lục I
BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số .....

Tên tổ chức, cá nhân:..... .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

E-mail.....

Công bố:

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...*)

.....

.....

Phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)

.....

.....

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):

.....

.....

.....

....., ngày.....tháng.....năm.....
Đại diện Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, chức vụ, đóng đấu)

Phụ lục II
THÔNG BÁO XÁC NHẬN CÔNG BỐ HỢP QUY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011)

"*Tên cơ quan chủ quản* "
"*Tên cơ quan xác nhận công bố*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO XÁC NHẬN BẢN CÔNG BỐ
SẢN PHẨM, HÀNG HÓA, QUÁ TRÌNH, DỊCH VỤ, MÔI TRƯỜNG
PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT

..... (*Tên cơ quan xác nhận công bố*) ..... xác nhận đã nhận Bản công bố hợp quy của:..... (*tên doanh nghiệp*).....
địa chỉ doanh nghiệp.....
cho sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*mô tả sản phẩm, hàng hóa*).....
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật: (*số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật*).....
.....
.....

Bản thông báo này chỉ ghi nhận sự cam kết của doanh nghiệp, không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường do mình sản xuất, kinh doanh, vận hành, khai thác.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....
Đại diện có thẩm quyền của
Cơ quan xác nhận công bố
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Doanh nghiệp;
- Cơ quan chủ quản (để báo cáo).

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011)

Mẫu 1

GIẤY ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày …. tháng …. năm …..

GIẤY ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM/CHỨNG NHẬN/GIÁM ĐỊNH/KIỂM ĐỊNH

Kính gửi: Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công thương

1. Tên tổ chức:. ….....

2. Địa chỉ liên lạc:. ….....

Điện thoại :…….. Fax : …….. E-mail :. .....

3. Quyết định thành lập (nếu có)/Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư số.....

Cơ quan cấp: …… cấp ngày..... tại. .....

4. Hồ sơ kèm theo:

- …….....

5. Sau khi nghiên cứu các điều kiện hoạt động đánh giá sự phù hợp quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương quy định về điều kiện hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận và các điều kiện về năng lực quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện để được chỉ định thực hiện hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận trong các lĩnh vực sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường (nêu cụ thể tên sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng).

Đề nghị Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công thương xem xét để chỉ định (tên tổ chức) được hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận đối với các lĩnh vực, đối tượng tương ứng.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định và chịu trách nhiệm về các khai báo nói trên.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC …
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Ghi chú : Đăng ký lĩnh vực nào thì ghi tên lĩnh vực đó (ví dụ đăng ký chỉ định hoạt động thử nghiệm thì ghi « Giấy đăng ký chỉ định hoạt động thử nghiệm »).

Mẫu 2

DANH SÁCH CÁN BỘ, NHÂN VIÊN/CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH

TÊN TỔ CHỨC: ……

DANH SÁCH CÁN BỘ, NHÂN VIÊN/CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ THỬ NGHIỆM VIÊN/GIÁM ĐỊNH VIÊN/KIỂM ĐỊNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/KIỂM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN

STT	Họ và tên	Chứng chỉ đào tạo chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận	Kinh nghiệm công tác	Kinh nghiệm đánh giá/thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận	Loại hợp đồng lao động đã ký	Ghi chú
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
……							
……							

"…(Tên tổ chức)… cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai".

…., ngày … tháng … năm…….
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC…….
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

(Ghi chú: Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó)

Mẫu 3
DANH MỤC TÀI LIỆU PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

TÊN TỔ CHỨC: …….

DANH MỤC TÀI LIỆU
PHỤC VỤ THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/KIỂM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN

STT	Tên tài liệu	Mã số	Hiệu lực từ	Cơ quan ban hành	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
……					
……					

…., ngày … tháng … năm…….
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC…….
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

(Ghi chú: Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó)

Mẫu 4

QUYẾT ĐỊNH CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

(Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
(Tên cơ quan đầu mối do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định) *……(Số quyết định)…….*	*……, ngày……. tháng….. năm…..*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

……(Chức danh người ký quyết định)……..

.....(Tên cơ quan đầu mối do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định)

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định/Quyết định số…….. quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của……. *(tên cơ quan đầu mối do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định)*

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương;

Theo đề nghị của…….. (*tên đơn vị thuộc cơ quan đầu mối được giao nhiệm vụ thẩm xét hồ sơ đăng ký chỉ định),*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định ……(*tên tổ chức đánh giá sự phù hợp*) thuộc ……. (*tên đơn vị chủ quản, nếu có*), địa chỉ ……..thực hiện việc thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận ……. (*tên lĩnh vực sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường được chỉ định*) phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật ……. (*tên quy chuẩn kỹ thuật, số hiệu*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực 03 năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. *Điều này sẽ ghi trách nhiệm cho tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định* (ví dụ: Tổ chức ……. có trách nhiệm thực hiện công tác đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

Tổ chức nêu tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như trên; - Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định cơ quan đầu mối (để b/c); - Tên tổ chức liên quan (để biết); - Lưu VT, KHCN.	**Chức danh, tên người ký quyết định** *(Ký tên và đóng dấu)*

Phụ lục IV

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011)

Mẫu 5

QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHÓM 2

Tên cơ quan chủ quản ---------- **Tên cơ quan kiểm tra** Số: /QĐ-…	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *, ngày... tháng.... năm....*

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA NHÓM 2

Thẩm quyền ban hành (1)

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương;

Căn cứ …(2)

Căn cứ ….(3)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập đoàn kiểm tra về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất/lưu thông trên thị trường/xuất khẩu/trong quá trình sử dụng, gồm các thành viên sau đây:

1. Họ tên và chức vụ: ..... Trưởng đoàn
2. Họ tên và chức vụ:.....
3. Thành viên:.....

Điều 2. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất/lưu thông trên thị trường/xuất khẩu/trong quá trình sử dụng với:

- Nội dung kiểm tra …
- Đối tượng kiểm tra: hàng hóa ……..
- Cơ sở được kiểm tra:
- Chế độ kiểm tra:
- Thời gian kiểm tra từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Đoàn kiểm tra, các tổ chức cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Lưu VT, *(..... đơn vị soạn thảo).*	**Thủ trưởng cơ quan kiểm tra** (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Thủ trưởng cơ quan ra quyết định;

(2) Ghi tên văn bản kế hoạch kiểm tra được phê duyệt nếu là kiểm tra theo kế hoạch; nếu là kiểm tra đột xuất không ghi mục này;

(3) Văn bản quy phạm pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định.

Mẫu 6
BIÊN BẢN KIỂM TRA

Tên cơ quan ra quyết định kiểm tra	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đoàn kiểm tra	*, ngày... tháng... năm 20...*

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2
Số……..

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
Căn cứ Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương;
Đoàn kiểm tra về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất được thành lập theo Quyết định số .../QĐ- ngày tháng năm của…… (1) đã tiến hành kiểm tra từ ngày … tháng … năm …. đến ngày …. tháng ... năm … tại .....
Thành phần đoàn kiểm tra gồm:
1. …….. Chức vụ: Trưởng đoàn
2. ……..
3. …….. Thành viên
Đại diện cơ sở được kiểm tra:
1. ……...…. Chức vụ
2. ……....…
Với sự tham gia của
1……..... Chức vụ
2……...….
I. Nội dung - kết quả kiểm tra
II. Nhận xét và kết luận
III. Yêu cầu đối với cơ sở
IV. Ý kiến của cơ sở được kiểm tra
Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau vào hồi… giờ... ngày... tháng... năm tại ..., đã được các bên thông qua, 01 bản giao cho cơ sở được kiểm tra, 01 bản lưu tại đoàn kiểm tra.

Đại diện cơ sở được kiểm tra	**Trưởng đoàn kiểm tra**
*(*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(*Ký, ghi rõ họ tên)

Thành viên đoàn kiểm tra
*(*Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý: *Trường hợp đoàn kiểm tra liên ngành số biên bản sẽ tùy theo số cơ quan tham gia kiểm tra*

(1) Chức danh của người ra Quyết định kiểm tra

Mẫu 7
BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM TRA
CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tên cơ quan chủ quản
Tên cơ quan kiểm tra
Số: /BC-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày... tháng.... năm...

BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHÓM 2

Kính gửi: .....

I. Đặc điểm tình hình sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý:
(mặt hàng chính, ước tính khối lượng hàng hóa và giá trị (nếu có) …
II. Kết quả kiểm tra:
2.1. Các sản phẩm, hàng hóa được kiểm tra;
2.2. Số cơ sở được kiểm tra và địa bàn kiểm tra;
2.3. Tình hình chất lượng, nhãn hàng hóa qua kiểm tra;
2.4. Tình hình vi phạm, xử lý và một số vụ điển hình:
- Số vụ vi phạm, xử lý.
- Các hành vi vi phạm.
- Một số vụ điển hình: hàng hóa (số lượng, trị giá), nội dung vi phạm, hình thức và mức xử lý.
2.5. Tình hình khiếu nại và giải quyết khiếu nại về chất lượng và nhãn hàng hóa
III. Nhận xét đánh giá chung:
IV. Kiến nghị:
(Các phụ lục kèm theo báo cáo: …)

Nơi nhận:
- Cơ quan chủ quản cấp trên (để báo cáo);
- Bộ Công thương;
- Lưu VT, *(…….đơn vị soạn thảo).*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu 8
THÔNG BÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU ĐẠT/KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG

Tên cơ quan chủ quản

Tên cơ quan kiểm tra

Số: /TB-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU ĐẠT/KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG

Kính gửi: .....

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 19/2010/TT-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ Công thương) về việc ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 và Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ quyền hạn của (1)… tại Quyết định số… ngày …

Ngày… tháng… năm… , (1) đã tiến hành kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất tại … (2) thuộc …

Căn cứ vào biên bản lấy mẫu số … và kết quả thử nghiệm mẫu số …..,

……(1) **THÔNG BÁO**

I. Các mẫu sản phẩm, hàng hóa đạt/không đạt yêu cầu chất lượng:

STT	Tên mẫu, Ký hiệu	Tên cơ sở và địa chỉ NSX	Ngày sản xuất, số lô (nếu có)	Chỉ tiêu đạt/ không đạt

II. Yêu cầu đối với cơ sở được kiểm tra:

Nơi nhận:
- Đơn vị được kiểm tra - để thực hiện;
- Lưu VT, *(…… đơn vị soạn thảo).*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Cơ quan kiểm tra
(2) Tên cơ sở được kiểm tra

Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011)

Mẫu 9

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA
CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Kính gửi:..... (Tên Cơ quan kiểm tra). .....

Người đăng ký kiểm tra:. .....
Địa chỉ:. .....
Điện thoại: …….. Fax:. .....
Đăng ký kiểm tra chất lượng lô hàng hóa sau:

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/số lượng	Cửa nhập khẩu	Thời gian nhập khẩu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Hồ sơ kèm theo gồm có các bản sao sau đây:. .....

1. Hợp đồng (Contract) (*) số:

2. Danh mục hàng hóa (Packing list):(*).....

3. Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu hoặc Giấy giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu:….. do Tổ chức: ……. cấp ngày: ……/……/……. tại:.....

4. Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý số:. ..... do Tổ chức chứng nhận: …….. cấp ngày: …../……/……. tại:.....

5. hóa đơn (Invoice) số (*):. .....

7. Vận đơn (Bill of Lading) số (*):.....

8. Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số (*):. .....

9. Giấy chứng nhận xuất xứ C/O số (*):. .....

10. Ảnh hoặc bản mô tả hàng hoá, mẫu nhãn hàng nhập khẩu, nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) (*).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với tiêu chuẩn ……hoặc quy chuẩn kỹ thuật. .....

(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)
vào sổ đăng ký: số: …../ Cơ quan KT
Ngày … tháng … năm 20 …
(Đại diện Cơ quan kiểm tra ký tên đóng dấu)

…., ngày …. tháng …. năm 20…
(NGƯỜI NHẬP KHẨU)
(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi chú: những mục đánh dấu (*) là những mục bắt buộc thực hiện đối với hàng hóa nhập khẩu).

Mẫu 10
PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

(Tên cơ quan chủ quản)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

Số: …../TN-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày…. tháng…. năm 20…

PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

STT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	Có/không	Ghi chú
1	Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa.	☐	(*)
2	Hợp đồng (Contract) (bản photocopy)	☐	(*)
3	Danh mục hàng hóa (Packing list) kèm theo hợp đồng (bản photocopy)	☐	(*)
4	Bản sao có chứng thực giấy chứng chỉ chất lượng	☐	
	4.1. Giấy chứng nhận hợp quy	☐	
	4.3. Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng	☐	
	4.2. Giấy giám định chất lượng lô hàng	☐	
	4.4. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng	☐	
5	Hóa đơn (Invoice)	☐	(*)
6	Vận đơn (Bill of Lading)	☐	(*)
7	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu	☐	(*)
8	Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O-Certificate of Origin)	☐	(*)
9	Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa	☐	
10	Mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy	☐	
11	Nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).	☐	

KẾT LUẬN

Hồ sơ đầy đủ về số lượng: ☐ tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.
Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: ☐ tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục:..... ..... trong thời gian ..... ngày. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định.

Người nộp hồ sơ **Người kiểm tra**

(Ghi chú: những mục đánh dấu (*) là những mục bắt buộc thực hiện đối với hàng hóa nhập khẩu).

Mẫu 11
THÔNG BÁO HÀNG HÓA ĐỦ THỦ TỤC QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Tên cơ quan chủ quản

TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

Số: /TB-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày.... tháng.... năm.....

THÔNG BÁO HÀNG HÓA ĐỦ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Kính gửi: .....

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 19/2010/TT-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ Công thương về việc ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 và Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ quyền hạn của (1) … tại Quyết định số … ngày …

Ngày … tháng … năm …, (1) đã tiến hành xem xét tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa (2)

……(1) **THÔNG BÁO**

1. Tên hàng hóa:.....
2. Nhãn hiệu, kiểu loại:. .....
3. Đặc tính kỹ thuật:. .....
4. Xuất xứ/Nhà sản xuất:. .....
5. Khối lượng/Số lượng:. .....
6. Cửa khẩu nhập: (*). .....
7. Thời gian nhập khẩu: (*).....
8. Thuộc lô hàng có các chứng từ sau:. .....

- Hợp đồng số (Contract):. .....
- Danh mục hàng hóa số (Packing List):. .....
- Hóa đơn số (Invoice): (*). .....

- Giấy chứng nhận xuất xứ số (C/O): (*). .....
- Vận đơn số (Bill of Lading): (*).....
- Tờ khai hàng nhập khẩu số (C/O-Certificate of Origin): (*). .....

9. Người nhập khẩu: (*). .....

10. Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận/giám định chất lượng lô hàng hóa (nhập khẩu) số: ... do tổ chức …. cấp ngày: …/…/… tại:.....

KẾT QUẢ KIỂM TRA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

Lô hàng (Số lượng/tên, nhãn hiệu, kiểu loại hàng hóa)

Đủ thủ tục quy định đối với hàng hóa nhập khẩu (hoặc Không đủ thủ tục quy định và yêu cầu bổ sung đầy đủ)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Đơn vị được kiểm tra - để thực hiện;
- Lưu VT, *(…… đơn vị soạn thảo).*

(1) Cơ quan kiểm tra
(2) Tên cơ sở được kiểm tra

(Ghi chú: những mục đánh dấu (*) là những mục bắt buộc thực hiện đối với hàng hóa nhập khẩu)

Mẫu 12
THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

(Tên cơ quan chủ quản) TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …./TB-…	……., ngày …. tháng…. năm 20…

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

1. Tên hàng hóa:
2. Nhãn hiệu, kiểu loại:. .....
3. Đặc tính kỹ thuật:. .....
4. Xuất xứ/Nhà sản xuất:. .....
5. Khối lượng/Số lượng:. .....
6. Cửa khẩu nhập: (*). .....
7. Thời gian nhập khẩu: (*).....
8. Thuộc lô hàng có các chứng từ sau:. .....
- Hợp đồng số (Contract):. .....
- Danh mục hàng hóa số (Packing List):. .....
- Hóa đơn số (Invoice): (*). .....
- Giấy chứng nhận xuất xứ số (C/O): (*). .....
- Vận đơn số (Bill of Lading): (*).....
- Tờ khai hàng nhập khẩu số (C/O-Certificate of Origin): (*). .....
9. Người nhập khẩu: (*). .....
10. Giấy đăng ký kiểm tra số:….. ngày … tháng …. năm 20 …
11. Căn cứ kiểm tra: Tiêu chuẩn công bố áp dụng:. .....
Quy chuẩn kỹ thuật:. .....
Quy định khác:. .....
12. Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận/giám định chất lượng lô hàng hóa (nhập khẩu) số: …..... do tổ chức …….…. cấp ngày: ……/……/…… tại:. .....

KẾT QUẢ KIỂM TRA

Lô hàng (Số lượng/tên, nhãn hiệu, kiểu loại hàng hoá)

Đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu (hoặc Không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu thì nêu lý do hoặc các yêu cầu khác nếu có)

Nơi nhận: - Người nhập khẩu; - Hải quan cửa khẩu; - Lưu VT: Cơ quan kiểm tra.	**CƠ QUAN KIỂM TRA** (Ký tên đóng dấu)

(Ghi chú: những mục đánh dấu (*) là những mục bắt buộc thực hiện đối với hàng hóa nhập khẩu)

Mẫu 13
BÁO CÁO LÔ HÀNG NHẬP KHẨU
KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU QUY ĐỊNH VỀ CHẤT LƯỢNG

(Tên cơ quan chủ quản)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA
Số: /BC-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
, ngày... tháng... năm 20...

BÁO CÁO LÔ HÀNG NHẬP KHẨU
KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU QUY ĐỊNH VỀ CHẤT LƯỢNG

Kính gửi: (*Cơ quan chủ quản cấp trên)*

1. Tên hàng hóa: .....
2. Nhãn hiệu/ Kiểu loại: .....
3. Đặc tính kỹ thuật: .....
4. Xuất xứ/Nhà sản xuất: .....
5. Số lượng khai báo: .....
6. Cửa khẩu nhập: .....
7. Thời gian nhập khẩu: .....
8. Thuộc lô hàng có các chứng từ sau: .....

- Hợp đồng số: .....
- Danh mục hàng hóa số: .....
- Hóa đơn số: .....
- Giấy chứng nhận xuất xứ số *(C/O)*: .....
- Vận đơn số : .....
- Tờ khai hàng nhập khẩu số: .....

9. Người nhập khẩu : .....
10. Giấy đăng ký kiểm tra số: ..... ngày..... tháng ..... năm 200.....
11. Căn cứ kiểm tra: Tiêu chuẩn công bố áp dụng .....
Quy chuẩn kỹ thuật: .....
Quy định khác: .....
12. Kết quả thử nghiệm/chứng nhận/giám định hàng hóa nhập khẩu số:……..
do Tổ chức Đánh giá sự phù hợp: .....
cấp ngày: ..... / ..... / ..... tại: .....
13. Kết luận:
a. Lô hàng (Số lượng/tên, nhãn hiệu): không đạt yêu cầu quy định về chất lượng;
b. Lý do không đạt (không phù hợp về chất lượng, ghi nhãn, dấu hợp quy, ...
….....).
14. Đề xuất biện pháp xử lý: .....

Cơ quan kiểm tra
(Ký tên đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, Cơ quan kiểm tra.

Mẫu 14
BIÊN BẢN LẤY MẪU

(Tên cơ quan chủ quản)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày… tháng…. năm 20…

BIÊN BẢN LẤY MẪU
Số: ……

1. Tên cơ sở được lấy mẫu:
2. Đại diện cơ sở được lấy mẫu: (Họ tên, chức danh, đơn vị)
3. Người lấy mẫu: (Họ tên, chức vụ, đơn vị)
4. Phương pháp lấy mẫu:

STT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Tên cơ sở và địa chỉ NSX, NK	Đơn vị tính	Lượng mẫu	Ngày sản xuất, số lô (nếu có)	Ghi chú

5. Tình trạng mẫu:

Mẫu được niêm phong có sự chứng kiến của đại diện cơ sở lấy mẫu.

Mẫu có thể được chia làm 2 đơn vị: 1 đơn vị đưa đi thử nghiệm, 1 đơn vị được lưu tại cơ quan kiểm tra khi cần thiết.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, mỗi bên giữ 01 bản.

Đại diện cơ sở được lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011)

Mẫu 15

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

(Tên cơ quan chủ quản) **TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-...	*....., ngày..... tháng..... năm 20...*

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

(số liệu Quý.... năm 20..... tính từ ngày .....đến ngày.....)

Kính gửi**:**

1. Tổng số lô hàng đã đăng ký kiểm tra:.....lô, trong đó:

- Số lô đã qua kiểm tra đạt yêu cầu:.....lô (chi tiết xem bảng 1)
- Số lô không đạt yêu cầu:.....lô (chi tiết xem bảng 2)
- Số lô trốn tránh kiểm tra: .....lô (chi tiết xem bảng 3)

2. Tình hình khiếu nại: (lô hàng, doanh nghiệp nhập khẩu, tình hình khiếu nại và giải quyết...)

3. Kiến nghị:

BẢNG 1. Kết quả kiểm tra chất lượng các lô hàng đạt yêu cầu nhập khẩu.

TT	Tên, nhóm hàng hóa *(thuộc trách nhiệm của Bộ KH&CN)*	Tổng số *(lô)*	Đơn vị tính	Khối lượng	Nguồn gốc, xuất xứ	Chi cục kiểm tra[1]
....						

BẢNG 2. Kết quả kiểm tra chất lượng các lô hàng không đạt yêu cầu nhập khẩu

TT	Số hồ sơ	Tên Người NK	Địa chỉ ĐT/Fax	Tên & nhóm hàng hóa NK	Số lượng	Xuất xứ	Lý do không đạt	Các biện pháp đã được xử lý	Chi cục xử lý[2]
.....									

BẢNG 3. Các doanh nghiệp trốn tránh kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu

TT	Giấy đăng ký kiểm tra số	Tên Người NK	Địa chỉ ĐT/Fax	Tên & nhóm hàng hóa NK	Số lượng	Tờ khai HHNK số	Thời gian nhập khẩu
...							

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, Cơ quan kiểm tra.

Cơ quan kiểm tra
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 16
BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/CHỨNG NHẬN/KIỂM ĐỊNH/GIÁM ĐỊNH

(Tên cơ quan chủ quản) (Tên tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	……., ngày... tháng... năm 20…

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/CHỨNG NHẬN/ KIỂM ĐỊNH/GIÁM ĐỊNH
(Từ ngày …/…./20 … đến ngày ……/…../20 …)

Kính gửi: Bộ Công thương

1. Tên tổ chức hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận
2. Địa chỉ:. .....
3. Điện thoại: …….. Fax: …….. E-mail:. .....
4. Tình hình hoạt động

…… (tên tổ chức hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận) báo cáo tình hình hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận được chỉ định từ ngày …/…/20 … đến ngày …./…../20… như sau:

a) Hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận trong kỳ báo cáo:
- Tên lĩnh vực chuyên ngành
- Số lượng, nội dung công việc đã tiến hành đánh giá sự phù hợp
- ….

b) Đơn vị có giấy thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận đã bị thu hồi hoặc hết hạn (nếu có) trong kỳ báo cáo.

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ (ghi địa danh tỉnh/ thành phố)	Lĩnh vực/đối tượng	Tên quy chuẩn kỹ thuật	Thời gian/hiệu lực của giấy thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận (ghi năm hết hiệu lực)	Ghi chú

5. Các kiến nghị, đề xuất (nếu có)

……. (tên tổ chức đánh giá sự phù hợp) báo cáo để (tên cơ quan đầu mối do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định) và Bộ Công thương biết.

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP
(Đại diện có thẩm quyền ký tên, đóng dấu)